TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN QUỲNH PHỤ** **TỈNH THÁI BÌNH**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 46/2023/HNGĐ-ST
Ngày 14/7/2023
"V/v *tranh chấp ly hôn giữa chị V và anh D*"

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN QUỲNH PHỤ, TỈNH THÁI BÌNH

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Phạm Thị Duyên

Các Hội thẩm nhân dân: 1.Ông Phạm Văn Diễn

2.Ông Đặng Ngọc Tân.

- Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Gien Ny – Thư ký Tòa án nhân dân huyện Quỳnh Phụ, tỉnh Thái Bình.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Quỳnh Phụ, tỉnh Thái Bình tham gia phiên toà: Ông Vũ Công Huân - Kiểm sát viên.

Ngày 14 tháng 7 năm 2023, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Quỳnh Phụ, tỉnh Thái Bình xét xử sơ thẩm công khai vụ án hôn nhân gia đình thụ lý số 41/2023/TLST- HNGĐ ngày 14 tháng 3 năm 2023 về tranh chấp ly hôn, theo quyết định đưa vụ án ra xét xử số 43/2023/QĐXXST-HNGĐ ngày 12 tháng 6 năm 2023 và quyết định hoãn phiên tòa số 26/2023/QĐST-HNGĐ ngày 30 tháng 6 năm 2023, giữa các đương sự:

- ***Nguyên đơn***: Chị Trần Thị V sinh năm 1999
Nơi ĐKHKTT: Thôn B, xã H, huyện Q, tỉnh Thái Bình
Nơi cư trú: Thôn L, xã Đ, huyện Q, tỉnh Thái Bình.
- ***Bị đơn***: Anh Đào Công D sinh năm 1998
Nơi cư trú: Thôn B, xã H, huyện Q, tỉnh Thái Bình.

(*Tại phiên tòa có mặt chị V; vắng mặt anh D)*

NỘI DUNG VỤ ÁN:

***Tại đơn khởi kiện, bản tự khai và trong quá trình xét xử nguyên đơn chị Trần Thị V trình bày*:**

Về quan hệ hôn nhân: Chị và anh Đào Công D tự do, tự nguyện tìm hiểu dẫn đến hôn nhân, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã Đ vào ngày 30/01/2020. Sau khi kết hôn, vợ chồng chung sống tại gia đình anh D. Quá trình chung sống đến tháng 4/2022 thì vợ chồng phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân mâu thuẫn là tính tình vợ chồng không hợp nhau, cộng với việc vợ chồng không

có con chung. Mâu thuẫn căng thẳng vào tháng 5/2022, chị đã bỏ về Thôn L, xã Đ, sinh sống, vợ chồng ly thân từ đó cho đến nay. Nay chị xác định tình cảm vợ chồng giữa chị và anh D không còn, chị xin ly hôn anh D.

Về con chung: Chị và Đào Công D không có con chung. Hiện tại, chị không có thai nghén gì.

Về tài sản chung: Chị không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Bị đơn anh Đào Công D vắng mặt nên không có ý kiến trình bày.

Kết quả xác minh với gia đình anh D và cơ sở Thôn B, xã H thấy: Anh Đào Công D và chị Trần Thị V là vợ chồng. Quá trình chung sống và nguyên nhân mâu thuẫn của vợ chồng, gia đình và cơ sở thôn không biết rõ, chỉ biết do tính tình vợ chồng không hợp nhau. Từ tháng 5/2022 chị V không sinh sống tại gia đình anh D nữa. Nay chị V có đơn xin ly hôn anh D gia đình và cơ sở thôn đề nghị Tòa án giải quyết theo quy định của pháp luật. Chị V và anh D không có con chung. Gia đình và cơ sở thôn không biết rõ về tài sản của chị V và anh D.

Ý kiến của đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Q, tỉnh Thái Bình về giải quyết vụ án:

Về tố tụng: Quá trình giải quyết vụ án của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa và việc chấp hành pháp luật của bị đơn tại phiên tòa, đều tuân thủ đúng quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự. Tại phiên tòa, bị đơn vắng mặt nên Viện kiểm sát không có ý kiến về chấp hành pháp luật tại phiên tòa của bị đơn tại phiên tòa.

Về nội dung: Đề nghị HĐXX căn cứ vào Điều 51 và Điều 56 của Luật Hôn nhân và gia đình: Về quan hệ hôn nhân: xử cho chị Trần Thị V được ly hôn anh Đào Công D; Chị V và anh D không có con chung. Về tài sản chung: chị V, anh D không yêu cầu nên HĐXX không xét; Về án phí: chị V phải chịu cả tiền án phí ly hôn sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Căn cứ vào các tài liệu, chứng cứ đã được xem xét, kiểm tra tại phiên tòa và kết quả tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định.

[1] Về tố tụng: Chị Trần Thị V khởi kiện ly hôn với anh Đào Công D. Do anh D là bị đơn cư trú tại Thôn B, xã H, huyện Q, tỉnh Thái Bình nên TAND huyện Q, thụ lý, giải quyết là đúng thẩm quyền theo quy định tại khoản 1 Điều 28, khoản 1 Điều 35 và khoản 1 Điều 39 Bộ luật Tố tụng dân sự. Anh D đã được Tòa án triệu tập hợp lệ lần thứ hai nhưng vẫn vắng mặt, vì vậy Tòa án tiến hành xét xử là phù hợp với quy định tại khoản 2 Điều 227 và khoản 3 Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự.

[2] Về quan hệ hôn nhân: Quan hệ hôn nhân giữa chị Trần Thị V và anh Đào Công D xây dựng trên cơ sở tự nguyện, được Ủy ban nhân xã Đ, huyện Q, cấp đăng ký kết hôn số 05 ngày 30/01/2020 là hôn nhân hợp pháp. Quá trình chung sống đến tháng 4/2022 thì vợ chồng phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân mâu thuẫn là do tính tình vợ chồng không hợp nhau, không thương yêu thông cảm cho nhau, cộng

với việc vợ chồng không có con chung. Mâu thuẫn căng thẳng vào tháng 5/2022, chị V đã bỏ về Thôn L, xã Đ sinh sống, vợ chồng ly thân từ đó cho đến nay. Nay chị V xác định tình cảm vợ chồng giữa chị và anh D không còn, chị xin ly hôn anh D. Tòa án đã ấn định thời gian tiến hành hòa giải nhưng anh D không có mặt nên không hòa giải được, anh D không có thiện chí hòa giải đoàn tụ mặt khác thời gian vợ chồng ly thân đã lâu, không ai quan tâm đến ai, điều đó cho thấy mâu thuẫn giữa chị V và anh D đã trầm trọng, mục đích hôn nhân không đạt được, hôn nhân của anh chị thực tế chỉ còn tồn tại về mặt hình thức, vì vậy cần xử cho chị V được ly hôn anh D là phù hợp với quy định tại Điều 51 và 56 của Luật Hôn nhân và gia đình.

[3] Về con chung: Chị Trần Thị V và anh Đào Công D không có con chung.

[4] Về tài sản chung: Chị Trần Thị V không yêu cầu Tòa án giải quyết, anh Đào Công D không có ý kiến gì nên về tài sản chung Hội đồng xét xử không xét.

[5] Về án phí: Chị Trần Thị V phải chịu cả tiền án phí ly hôn sơ thẩm theo quy định tại Điều 147 của Bộ luật Tố tụng dân sự và Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc Hội quy định về về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án:

[6] Về quyền kháng cáo: Chị Trần Thị V và anh Đào Công D có quyền kháng cáo bản án theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ: Khoản 1 Điều 28, khoản 1 Điều 35, khoản 1 Điều 39, khoản 2 Điều 227, khoản 3 Điều 228 và Điều 147 Bộ luật Tố tụng dân sự; Điều 51 và Điều 56 của Luật Hôn nhân và gia đình; Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Uỷ ban Thường vụ Quốc hội quy định về về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án:

1.Về quan hệ hôn nhân: Xử cho chị Trần Thị V được ly hôn anh Đào Công D.

2.Về con chung: Chị Trần Thị V và anh Đào Công D không có con chung.

3.Về tài sản chung: Hội đồng xét xử không giải quyết.

4.Về án phí: Chị Trần Thị V phải chịu 300.000 đồng (*Ba trăm nghìn đồng*) tiền án phí ly hôn sơ thẩm. Số tiền 300.000 đồng chị V đã nộp theo biên lai thu số 0005758 ngày 14 tháng 3 năm 2023 tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện Q được chuyển thành tiền án phí.

5.Về quyền kháng cáo: Chị Trần Thị V có mặt, có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Anh Đào Công D vắng mặt, có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc niêm yết bản án hợp lệ theo quy định của pháp luật.

Nơi nhận:
- Các đương sự;
- VKSND huyện Q;
- Chi cục thi hành án dân sự h.Quỳnh Phụ;
- Nơi ĐKKH:UBND xã Đ;
- Lưu hồ sơ vụ án.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa

Phạm Thị Duyên